

Số: 974/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy định xây dựng chương trình đào tạo đại học
hệ đào tạo đại trà của Học viện Chính sách và Phát triển

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ quyết định số 584/QĐ-BKH ngày 12/5/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Thông tư số 7/2015/BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 668/QĐ-HVCSPT ngày 11/11/2015 của Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy chế đào tạo bậc đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện;

Căn cứ Quyết định số 727/QĐ-HVCSPT ngày 14/12/2015 của Học viện Chính sách và Phát triển về việc sửa đổi Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện ban hành kèm theo Quyết định số 668/QĐ-HVCSPT ngày 11/11/2015;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định xây dựng chương trình đào tạo đại học hệ đào tạo đại trà của Học viện Chính sách và Phát triển.

Cụ thể: theo Phụ lục đính kèm

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.//

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các Khoa/Bộ môn thuộc HV;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (03 bản).

GIÁM ĐỐC



PGS, TS. Đào Văn Hùng

**QUY ĐỊNH XÂY DỰNG, ĐIỀU CHỈNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

*(Kèm theo Quyết định số 971 /QĐ-HVCSPT, ngày 29 tháng 12 năm 2017
của Giám đốc Học viện)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này điều chỉnh hoạt động xây dựng chương trình đào tạo đại học hệ đào tạo đại trà theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển.

Điều 2. Các khái niệm, thuật ngữ

1. Chuẩn đầu ra của CTĐT là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cá nhân mà người học đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, được cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện.
2. CTĐT ở một trình độ cụ thể của một ngành học bao gồm: Mục tiêu, CDR; nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo; điều kiện cơ sở vật chất – kỹ thuật, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động học thuật của đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai đào tạo ngành học đó.
3. Chương trình dạy học của một CTĐT ở một trình độ cụ thể bao gồm: Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CDR của mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá, thời lượng của CTĐT và mỗi học phần.
4. Các bên liên quan đến đơn vị đào tạo bao gồm: Người học, giảng viên, nhân viên, đội ngũ lãnh đạo và quản lý, nhà sử dụng lao động, các đối tác, gia đình người học, nhà đầu tư, cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.
5. Triết lý giáo dục là một tập hợp các quan điểm cốt lõi định hướng mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, vai trò của giảng viên và người học trong hoạt động giáo dục.

Điều 3. Nguyên tắc và căn cứ xây dựng chương trình đào tạo

3.1. Nguyên tắc

- Chương trình đào tạo đại học hệ chuẩn được xây dựng mới có kế thừa các chương trình đào tạo hiện hành, nhưng cần có sự đổi mới hoàn thiện, tuân thủ theo đúng quy định Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 6/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- CTĐT phải thể hiện triết lý giáo dục của Học viện;
- CTĐT được xây dựng phù hợp với khung trình độ quốc gia;
- CTĐT được thiết kế dựa trên CDR. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR là rõ ràng;
- Số tín chỉ của học phần nên được thiết kế từ 2 tín chỉ trở lên; Có thể xây dựng các môn học mới nếu xét thấy cần thiết và phù hợp với mục tiêu đào tạo, phù hợp với xu thế đổi mới, không phụ thuộc vào các môn học, giáo trình hiện có; Đảm bảo các học phần bổ sung, hỗ trợ nhau và liên quan chặt chẽ với nhau, có cấu trúc, trình tự logic;
- Đan xen quá trình học tập chuyên môn, nghề nghiệp với rèn luyện các kỹ năng. CTĐT tích hợp phát triển các kỹ năng, phẩm chất đạo đức qua nội dung từng học phần và nhóm học phần theo trình tự giảng dạy các học phần thể hiện qua bảng đối chiếu CDR từng học phần, từng khối kiến thức đóng góp vào CDR của CTĐT.

3.2. Các căn cứ và điều kiện

- Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 6/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;
- Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Căn cứ vào tình hình, khả năng của cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lý của Học viện, sự phát triển của các chuyên ngành;
- Căn cứ vào nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực của Việt Nam và xu hướng đổi mới của các trường Đại học trên thế giới;
- Cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu, học tập;

Điều 4. Khối lượng kiến thức tối thiểu; Yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp

4.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu đối với trình độ đại học là: 120 tín chỉ đối với Chương trình đào tạo 3,5 - 4 năm.

4.2. Yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp:

Yêu cầu chung

Người học đạt được các yêu cầu chung về năng lực và đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, trình độ lý luận chính trị, kiến thức Quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất, đạt chuẩn ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện.

Yêu cầu về năng lực

- **Về kiến thức:** Kiến thức cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận khoa học; kiến thức về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản; ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; Hiểu về quy trình, tác động của chính sách. Kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành đào tạo, vận dụng để giải quyết được các vấn đề trong thực tiễn, hoạch định chính sách, để tham gia vào quá trình hoạt động quản lý.
- **Về kỹ năng:**
 - + **Kỹ năng nghề nghiệp:** Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, sử dụng những thành tựu mới về khoa học và công nghệ để giải

quyết những vấn đề thực tế trong lĩnh vực được đào tạo; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;

+ **Kỹ năng mềm:** Có kỹ năng ngoại ngữ để hiểu được các vấn đề liên quan đến ngành được đào tạo, có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng quản lý, lãnh đạo.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Có phẩm chất chính trị, sức khoẻ tốt, lối sống lành mạnh, có trách nhiệm xã hội, tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp; Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng; thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Chủ động, trách nhiệm trong phạm vi công việc đảm nhiệm và có khả năng đề xuất những ý tưởng, cải tiến, đóng góp cho sự phát triển tổ chức/doanh.

Điều 5. Quy định về kết cấu của chương trình đào tạo

5.1. Kết cấu chung của chương trình đào tạo

- Tổng số tín chỉ cho các chương trình đào tạo từ 125 – 135 (không kể các học phần GDTC, GDQP).
- Tổng số học phần tự chọn ít nhất chiếm 20% so với toàn bộ chương trình đào tạo
- Số tín chỉ cho một học phần: từ 2-3; xem xét một số học phần chuyên ngành 4 tín chỉ.
- Thời gian đào tạo: 3,5 – 4 năm.
- Tổng số học phần cho một chương trình đào tạo không quá 60 học phần.

5.2. Khối kiến thức giáo dục đại cương:

Tổng số từ 15 - 18 học phần (Không bao gồm Giáo dục thể chất và quốc phòng), tổng số tín chỉ 45 - 48.

5.3. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

- **Cơ sở ngành bắt buộc:** Tổng số tín chỉ tối đa 40. Yêu cầu tất cả các chuyên ngành đào tạo của Học viện đều có các học phần cơ sở ngành bắt buộc thể hiện sự đặc trưng của Học viện;
- **Cơ sở ngành lựa chọn:** Tổng số tín chỉ lựa chọn tối đa 10. Gồm các học phần lựa chọn có số tín chỉ: 2-3 Tín chỉ/học phần;
- **Ngành bắt buộc:** Tổng số tín chỉ tối đa 10. Gồm các học phần đặc trưng của ngành đào tạo, 2-3 Tín chỉ/học phần;
- **Ngành lựa chọn:** Tổng số tín chỉ lựa chọn tối đa 10. Gồm các học phần lựa chọn có số tín chỉ: 2-3 Tín chỉ/học phần;
- **Chuyên ngành bắt buộc:** Tổng số tín chỉ tối đa: 30 tín chỉ. Bao gồm các học phần Thực tập tốt nghiệp (4TC) và các học phần chuyên sâu của ngành đào tạo, số tín chỉ 2-3-4TC/HP;
- **Chuyên ngành lựa chọn:** Tổng số tín chỉ lựa chọn tối đa: 10 tín chỉ;
- **Khoá luận tốt nghiệp:** Khóa luận tốt nghiệp 6 Tín chỉ.

Điều 6. Quy định về quy trình xây dựng chương trình đào tạo

- **Bước 1:** Thành lập Tổ soạn thảo Chương trình đào tạo. Tổ soạn thảo là những người am hiểu về ngành/chuyên ngành đào tạo có năng lực xây dựng, phát triển CTĐT bao gồm: đại diện Ban Giám đốc, đại diện Phòng Đào tạo, đại diện đơn vị chuyên môn liên quan, giảng viên đứng ngành/chuyên ngành đào tạo, nhà khoa học, chuyên gia giáo dục và các thành phần liên quan khác theo yêu cầu của ngành/chuyên ngành đào tạo và đại diện cơ sở sử dụng lao động thuộc ngành/chuyên ngành;
- **Bước 2:** Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành/ chuyên ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành/chuyên ngành đào tạo kết hợp với yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp;
- **Bước 3:** Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể (kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí làm việc sau tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ tin học) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trên cơ sở nghiên cứu CTĐT hiện hành của cơ sở

đào tạo có uy tín trong nước và nước ngoài, tham khảo ý kiến chuyên gia; Chuẩn đầu ra của CTĐT là những nội dung cụ thể hóa mục tiêu CTĐT được trình bày thành một danh sách các CDR đánh giá được, bao gồm Kiến thức, Kỹ năng, và Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp. CDR thường được mô tả bằng các động từ thích hợp theo phân loại của Bloom

- **Bước 4:** Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;
- **Bước 5:** Đối chiếu, so sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành/ chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện chương trình đào tạo;
- **Bước 6:** Xây dựng ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với các học phần: Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với các học phần thể hiện sự phân bổ chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo vào các học phần liên quan nhằm thể hiện rõ ràng những CDR do từng học phần đảm trách. Ma trận các học phần đồng thời thể hiện trình tự học tập được hoạch định hay lộ trình phát triển các chuẩn đầu ra. Các bước thực hiện xây dựng ma trận CDR CTĐT với các học phần (Phụ lục kèm theo).
- **Bước 7:** Thiết kế, xây dựng đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo đã xác định; Đề cương chi tiết học phần bao gồm các mục: mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, vai trò của môn học đối với CT, kết nối môn học với CDR, hoạt động dạy và học, đánh giá;
- **Bước 8:** Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài cơ sở đào tạo, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp (nếu có) về chương trình đào tạo;
- **Bước 9:** Hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở đào tạo xem xét;

- **Bước 10:** Thẩm định chương trình đào tạo: Hội đồng thẩm định có nhiệm vụ thẩm định, đối chiếu CTĐT với CĐR, các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng và góp ý hoàn chỉnh CTĐT;
- **Bước 11:** Chương trình đào tạo cập nhật thường xuyên nội dung chương trình môn học và phương pháp giảng dạy dựa trên các tiến bộ mới của lĩnh vực chuyên ngành và yêu cầu của việc sử dụng lao động.

Điều 7. Quy định về rà soát, cập nhật và điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo

7.1. Định kỳ 2 -3 năm/lần, các đơn vị đào tạo phải rà soát, cập nhật, điều chỉnh CTĐT

7.2. Việc đánh giá CTĐT cần các minh chứng về dữ liệu khảo sát đầu vào, các quy trình và các dữ liệu đầu ra

- Dữ liệu đầu vào gồm CĐR, CTĐT, đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá, hiện trạng sử dụng cơ sở vật chất và các nguồn lực khác.
- Các quy trình bao gồm quy trình giảng dạy, kiểm tra, đánh giá....
- Các dữ liệu đầu ra gồm kết quả học tập, việc làm của sinh viên và hướng phát triển, mức độ đạt CĐR của toàn bộ CTĐT. Thu thập các minh chứng phục vụ cho đánh giá CTĐT thông qua:
 - a. Tài liệu học liên quan đến CTĐT (mục tiêu, CĐR, khung chương trình, đề cương học phần, cơ sở vật chất, phương pháp giảng dạy và học tập);
 - b. Phỏng vấn cá nhân và phỏng vấn theo nhóm;
 - c. Sử dụng phiếu điều tra;
 - d. Nhật ký giảng dạy
 - e. Sử dụng các chuyên gia đánh giá ngoài;
 - f. Theo dõi kết quả học tập của người học theo thời gian.

Các minh chứng kể trên được thu thập thường xuyên và sử dụng trong việc tự đánh giá và đánh giá hàng năm để rà soát, cập nhật, điều chỉnh và đổi mới nội dung CTĐT

Điều 8. Quy định về quy trình điều chỉnh chương trình đào tạo

- **Bước 1:** Thành lập tổ rà soát chương trình đào tạo; Lập kế hoạch rà soát, đánh giá, cập nhật, điều chỉnh và đổi mới CTĐT;
- **Bước 2:** Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành/ chuyên ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành/chuyên ngành. Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo (các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...);
- **Bước 3:** Đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của chương trình đào tạo đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy...); so sánh giữa kết quả nghiên cứu về yêu cầu phát triển chương trình đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo đang thực hiện; dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật chương trình đào tạo;
- **Bước 4:** Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo, có thể tổ chức thẩm định chương trình đào tạo sửa đổi và trình Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét thông qua;
- **Bước 5:** Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và trình Giám đốc Học viện Ban hành.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

CTĐT được ban hành là cơ sở pháp lý cho việc triển khai đào tạo. Phòng Quản lý đào tạo có nhiệm vụ hướng dẫn các khoa xây dựng và phát triển CTĐT; tổ chức nghiệm thu CTĐT, làm đầu mối phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng đề án mở ngành, CTĐT mới và trình Giám đốc phê duyệt.

Hàng năm các Khoa xây dựng kế hoạch và hoàn thành công tác rà soát, cập nhật CTĐT của đơn vị mình.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Quy định này có hiệu lực từ năm học 2017 - 2018 và được áp dụng đối với hệ đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ ở Học viện Chính sách và Phát triển; thay thế Quy định xây dựng chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 833/QĐ-HVCSPT, ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển.

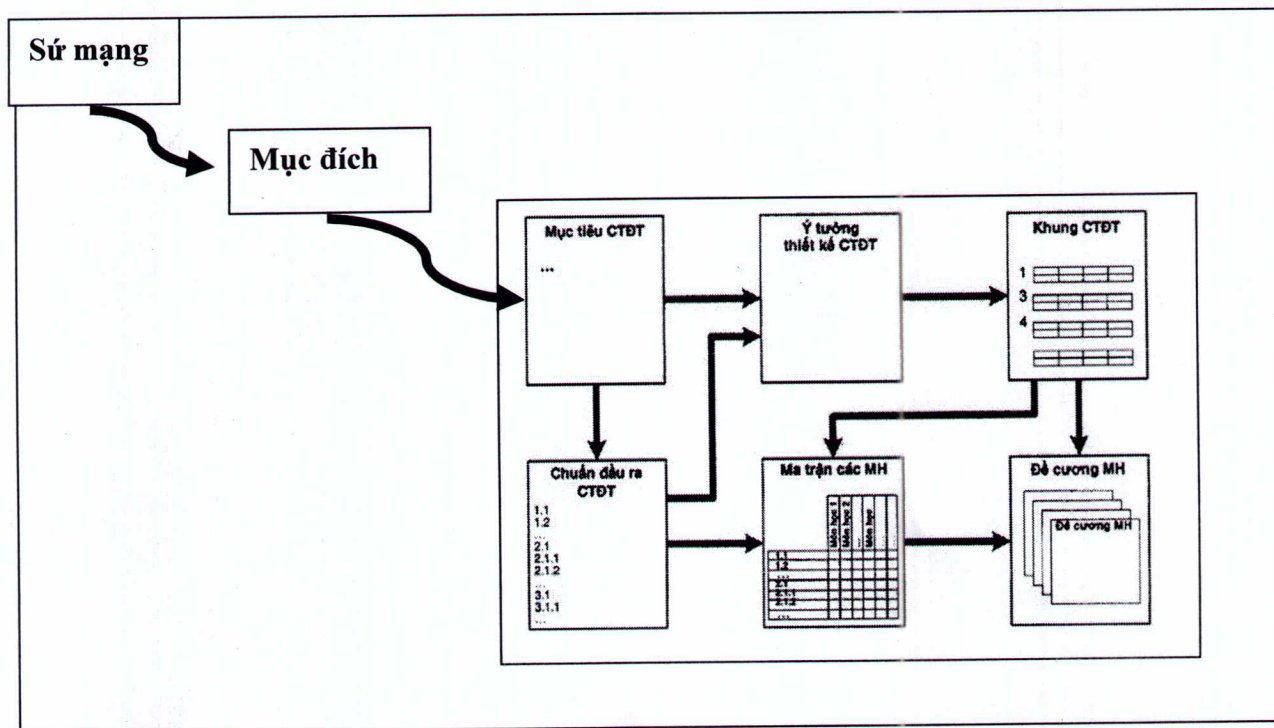
Việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế quy định này do Giám đốc quyết định bằng văn bản.

PHỤ LỤC 1

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (Kèm theo Quyết định số 971 /QĐ-HVCSPT, ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc Học viện)

I. Xây dựng ma trận chuẩn đầu ra CTĐT với các học phần

1.1. Sơ đồ quá trình xây dựng CTĐT



Sơ đồ phía trên thể hiện các thành phần trong chương trình đào tạo và mối liên hệ giữa các thành phần này. Cụ thể:

(1) Mục tiêu CTĐT

Mục tiêu tổng quát của chương trình

(2) Chuẩn đầu ra của CTĐT

- Là những nội dung cụ thể hóa mục tiêu CTĐT được trình bày thành một danh sách các CDR đánh giá được.
- Xác định Kiến thức, Kỹ năng, và Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp.

(3) Ý tưởng thiết kế CTĐT

- Mô tả CTĐT được thiết kế như thế nào để đáp ứng các mục tiêu của nó.
- Thể hiện những nguyên tắc chính yếu và những xem xét làm cơ sở cho việc thiết kế CTĐT.

(4) Khung chương trình đào tạo

- Danh sách các môn học và số tín chỉ
- Trình tự các môn học trong chương trình (Kế hoạch khóa học)

(5) Ma trận đóng góp các môn học vào CDR

- Thể hiện sự phân bổ CDR CTĐT vào các môn học liên quan nhằm thể hiện rõ những CDR do từng môn học đảm trách.
- Thể hiện trình tự học tập được hoạch định hay lộ trình phát triển CDR

(6) Đề cương học phần/ môn học

- Mục tiêu
- Chuẩn đầu ra
- Nội dung
- Vai trò của môn học đối với CT, kết nối môn học với CDR
- Hoạt động dạy và học
- Đánh giá

2.1. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với các học phần

Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với các học phần (programme design matrix), hay còn gọi là ma trận môn học/học phần, thể hiện sự phân bổ chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo vào các học phần liên quan nhằm thể hiện rõ ràng những CDR do từng học phần đảm trách. Ma trận các học phần đồng thời thể hiện trình tự học tập được hoạch định hay lộ trình phát triển các chuẩn đầu ra.

Xây dựng Ma trận phát triển kiến thức kỹ năng hay trình tự đào tạo các học phần hay lược đồ phát triển kiến thức, kỹ năng giúp xác định trình tự thực hiện các khối kiến thức và các môn học đạt chuẩn đầu ra một cách tối ưu. Trình tự các môn học mô tả rõ sự phát triển kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều học phần trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo

Các bước thực hiện xây dựng ma trận CDR CTĐT với các học phần:

- (1) Khái quát và mã hóa chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
- (2) Lập bảng cột dọc là các học phần trong khung CTĐT, cột ngang là CDR đã mã hóa

MA TRẬN ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN THEO YÊU CẦU NĂNG LỰC CỦA CHUẨN ĐẦU RA

[illegible]

II. HƯỚNG DẪN ĐỐI CHIẾU CĐR HỌC PHẦN VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Các bước đối chiếu CĐR học phần với các hoạt động dạy–học, kiểm tra đánh giá

Bước 1: Mã hóa chuẩn đầu ra học phần, đánh giá mức độ tương thích của CĐR học phần với CĐR của CTĐT.

Như phần 1 đã trình bày, mỗi chương trình đào tạo đều có CĐR tương ứng gồm các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ & trách nhiệm, vị trí việc làm. Các học phần được thiết kế trong khung CTĐT cũng có CĐR học phần cụ thể. CĐR của mỗi học phần góp phần tạo nên CĐR chung cho CTĐT.

Bước 2: Để thuận tiện trong việc đưa thông tin vào bảng đối chiếu, chuẩn đầu ra học phần được mã hóa theo số, cụ thể:

STT	Mục tiêu học phần	Chuẩn đầu ra học phần
1		Chuẩn về kiến thức
		LO1.1:
		LO1.2:.....
2		Chuẩn về kỹ năng
		LO2.1:
		LO2.2:....
		
		
3		Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp
		LO3.1:.....
		LO3.2:
		